

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THỊ XÃ TRẮNG BÀNG  
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 111/2022/HNGĐ-ST.

Ngày 18-11-2022

V/v Ly hôn

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TRẮNG BÀNG, TỈNH TÂY NINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Cẩm.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Nguyễn Văn Quốc;

Bà Lê Thị Diễm.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Phạm Văn Hảnh là Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Văn Thương - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 11 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 141/2022/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 10 năm 2022 về “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 112/2022/QĐXX-ST ngày 10 tháng 11 năm 2022, giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Ông Lê Văn D, sinh năm 1969; cư trú tại: khu phố GL, phường GL, thị xã TB, tỉnh Tây Ninh, có đơn xin vắng mặt.

*Bị đơn:* Bà Ngô Thị N, sinh năm 1970; cư trú tại: khu phố LP, phường LH, thị xã TB, tỉnh Tây Ninh, có đơn xin vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện ngày 10 tháng 10 năm 2022, quá trình giải quyết vụ án tại tòa - nguyên đơn ông Lê Văn D trình bày:*

Ông và bà N tự nguyện chung sống với nhau vào năm 1989, có tổ chức lễ cưới nhưng không có đăng ký kết hôn. Lý do không đăng ký kết hôn vì không có hiểu biết quy định pháp luật, chỉ nghĩ là tổ chức đám cưới là vợ chồng. Sau khi cưới, vợ chồng ông sống tại nhà mẹ ruột của ông ở khu phố Gia Lâm,

phường Gia Lộc, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh; vợ chồng đều làm ruộng. Đến năm 2002, bà N đi làm công nhân ở thành phố Hồ Chí Minh. Vợ chồng chung sống đến năm 2009 phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do mâu thuẫn vấn đề tiền bạc. Đến năm 2012, bà N tự bỏ nhà về bên nhà mẹ ruột của bà N sống. Vợ chồng sống ly thân từ năm 2012 cho đến nay. Vợ chồng có 02 con chung tên Lê Thị Thúy X, sinh năm 1991 và Lê Trường C, sinh năm 1995. Hiện chị X đã có chồng, còn Trường C đang chấp hành án tại Trại giam Phú Hòa tỉnh Bình Dương. Thời gian chung sống, vợ chồng ông không có tạo lập tài sản chung. Về nợ chung không có. Nay ông yêu cầu Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông và bà N. Về con chung đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản và nợ chung, không có nên không yêu cầu giải quyết.

*Quá trình giải quyết vụ án bị đơn bà Ngô Thị N trình bày:* Bà thống nhất với lời trình bày của ông D về thời gian chung sống năm 1989, có tổ chức lễ cưới nhưng không có đăng ký kết hôn. Vợ chồng có 02 con chung, về nợ chung không có. Nguyên nhân mâu thuẫn do ông D có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác dẫn đến vợ chồng thường xuyên gây gổ với nhau. Vì vậy, bà mới trở về nhà mẹ ruột sống. Vợ chồng ly thân từ năm 2012 cho đến nay. Về tài sản chung, trong thời gian sống chung, vợ chồng có xây được 01 căn nhà tường nóc Thái trên đất của mẹ chồng. Nay bà đồng ý ly hôn với ông D. Về con chung đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản không yêu cầu giải quyết.

*Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh:*

+ Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều bảo đảm đúng quy định về thời hạn, nội dung, thẩm quyền của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa dân sự. Các đương sự thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình.

+ Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 14, khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Lê Văn D và bà Ngô Thị N

Về con chung: Lê Thị Thúy X, sinh năm 1991 và Lê Trường C, sinh năm 1995, đã trưởng thành nên không đặt ra giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không đặt ra giải quyết.

Về án phí: Ông D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn theo quy định pháp luật.

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, xét thấy:*

[1] Về tố tụng: Ông Lê Văn D, bà Ngô Thị N vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông D, bà N.

Về hôn nhân: Ông D và bà N chung sống với nhau từ năm 1989, có tổ chức lễ cưới nhưng không có đăng ký kết hôn. Tòa án có tiến hành xác minh Ủy ban nhân dân phường Gia Lộc và phường Lộc Hưng xác nhận ông D và bà N không có đăng ký kết hôn với nhau. Do đó, xác định Ông D và bà N chung sống nhưng không có đăng ký kết hôn. Trong thời gian sống chung, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do mất lòng tin lẫn nhau. Vợ chồng đã tự sống ly từ năm 2012 đến nay. Nay ông D yêu cầu Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông và bà N; bà N đồng ý. Căn cứ vào khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông D và bà N.

[3] Về con chung: Lê Thị Thúy X, sinh năm 1991 và Lê Trường C, sinh năm 1995, đã trưởng thành nên không đặt ra giải quyết

[4] Về tài sản chung, về nợ chung: Không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 thì nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 300.000 đồng.

[6] Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát là có cơ sở chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

## **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự; khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016.

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Lê Văn D và bà Ngô Thị N.

2. Về con chung: Lê Thị Thúy X, sinh năm 1991 và Lê Trường C, sinh năm 1995, đã trưởng thành nên không đặt ra giải quyết.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí: Ông Lê Văn D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai số 0026817 ngày 13 tháng 10 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Trảng Bàng; ông D đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

5. Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án này lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh. Đối với đương sự vắng mặt, có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày Tòa án niêm yết theo quy định pháp luật.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND TX.Trảng Bàng;
- Chi cục THADS TX.Trảng Bàng;
- Lưu: án văn, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Cẩm**